

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẬN DỤNG KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Lê Thị Loan¹, Nguyễn Thị Huyền¹

TÓM TẮT

Kế toán trách nhiệm là một trong những nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp, đồng thời là một trong những công cụ quản lý có vai trò quan trọng trong điều hành, kiểm soát cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung nghiên cứu tổng quan về kế toán trách nhiệm, các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị nhằm tăng cường việc vận dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp trong thời gian tới.

Từ khóa: Doanh nghiệp xây dựng, kế toán trách nhiệm, tỉnh Thanh Hóa.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế, các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Điều đó thúc đẩy các doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị và sử dụng hiệu quả các công cụ để có thể ứng phó với sự biến động của thị trường. Tuy nhiên, nhìn chung các doanh nghiệp xây dựng ở nước ta có quy mô doanh nghiệp đa số là nhỏ và vừa, sức cạnh tranh còn kém so với thị trường.

Tại Thanh Hóa, các doanh nghiệp xây dựng trong những năm qua đã không ngừng đổi mới để tồn tại và phát triển, đặc biệt là khắc phục những khó khăn sau đại dịch Covid-19. Với trên 90% các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, nguồn vốn hạn chế, năng lực quản trị chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường, dẫn đến không thể cạnh tranh và thậm chí ngừng hoạt động. Chính vì vậy, để có thể tồn tại và tiếp tục phát triển trong bối cảnh mới thì việc sử dụng kế toán quản trị nói chung và kế toán trách nhiệm (KTTN) nói riêng để kiểm soát toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, theo hướng nâng cao hiệu quả từng trung tâm, bộ phận trong doanh nghiệp là hết sức cần thiết. Do đó, nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng để đưa ra các giải pháp góp phần thúc đẩy vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là cần thiết.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan về kế toán trách nhiệm

Khái niệm về KTTN lần đầu tiên được đề cập vào những năm 1950 ở Mỹ, đến nay đã có nhiều nhà nghiên cứu khác nhau đề cập đến. Mỗi nhà nghiên cứu có một góc nhìn và khía cạnh tiếp cận khác nhau.

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethiloankt@hdu.edu.vn

Safa (2012) cho rằng “KTTN là hệ thống kế toán thu thập và báo cáo về doanh thu và chi phí trong các lĩnh vực trách nhiệm. Các nhà quản trị phải chịu trách nhiệm về hoạt động của riêng mình, những hoạt động của nhà quản trị cấp dưới và bất kỳ hoạt động thực hiện trong TTTN do mình phụ trách” [7].

Theo Hoàng Hà Anh (2022): “KTTN là một bộ phận quan trọng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp trên cơ sở phân cấp về trách nhiệm quản lý, sử dụng tổng hợp các phương pháp kế toán nhằm cung cấp thông tin về tình hình tài chính và phi tài chính cho các nhà quản trị cấp tác nghiệp và các nhà quản trị cấp chiến lược của doanh nghiệp; với mục đích kiểm soát tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp” [1].

Như vậy, có thể hiểu: KTTN là hệ thống thu thập, xử lý và truyền đạt các thông tin tài chính và phi tài chính, có thể kiểm soát theo phạm vi trách nhiệm của từng nhà quản trị nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức. KTTN là một trong những nội dung cơ bản trong kế toán quản trị và là một công cụ quản lý có vai trò quan trọng trong điều hành, kiểm soát cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Tùy thuộc vào đặc điểm, mức độ phân cấp quản lý và mục tiêu của nhà quản trị doanh nghiệp chia ra thành các trung tâm trách nhiệm tương ứng. Mỗi trung tâm trách nhiệm trong một tổ chức có toàn quyền kiểm soát các hoạt động của trung tâm mình như: quản lý về chi phí, doanh thu và các khoản đầu tư. Các trung tâm trách nhiệm tạo ra mối liên hoàn trong hệ thống quản lý. Thông thường có 4 trung tâm trách nhiệm, bao gồm: trung tâm chi phí, trung tâm doanh thu, trung tâm lợi nhuận, trung tâm đầu tư.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán trách nhiệm tại doanh nghiệp

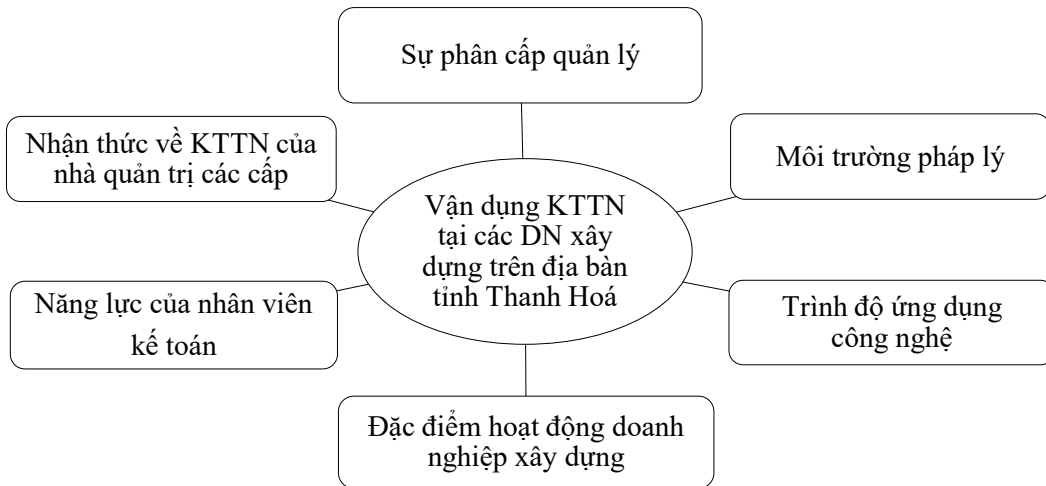
Cao Thị Huyền Trang (2019) trên cơ sở các lý thuyết nền và các nghiên cứu thực nghiệm trước đây đề xuất mô hình nghiên cứu gồm 6 nhân tố bao gồm: sự cạnh tranh của môi trường kinh doanh; sự phân cấp quản lý; quy mô doanh nghiệp; nhận thức về KTTN của nhà quản lý doanh nghiệp; chi phí tổ chức KTTN và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp [6].

Hoàng Hà Anh (2022) đã xây dựng các mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện Lực Việt Nam bao gồm: sự cạnh tranh trong kinh doanh; sự phân cấp quản lý trong cấu trúc doanh nghiệp; nhận thức về KTTN của nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp; chi phí triển khai KTTN tại đơn vị và chiến lược kinh doanh của đơn vị. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có 3 nhân tố có tác động đến thực hiện KTTN trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Điện Lực Việt Nam bao gồm: sự cạnh tranh trong kinh doanh; sự phân cấp quản lý trong cấu trúc doanh nghiệp; nhận thức về KTTN của nhà quản trị các cấp trong doanh nghiệp [1].

Lê Thị Yên Oanh (2022) đã đề xuất mô hình 5 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ áp dụng kế toán trách nhiệm, trong các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam bao gồm: phân cấp quản lý, phân quyền hạn và trách nhiệm; quy mô doanh nghiệp; trình độ chuyên môn; mức độ áp dụng công nghệ thông tin; nhu cầu thông tin của nhà quản trị [3]. Thông qua khảo sát thực tiễn tại 94 doanh nghiệp xuất, nhập khẩu Việt Nam, nhóm nghiên cứu khẳng định cả 5 nhân tố đều có ý nghĩa thống kê đến mức độ áp dụng kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp với độ tin cậy 95%.

Tổng quan nghiên cứu các công trình có liên quan việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán trách nhiệm tại mỗi doanh nghiệp khác nhau là không giống nhau. Kế thừa mô hình nghiên cứu của những công trình trước đây, kết hợp bổ sung, hiệu chỉnh, chúng tôi đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bao gồm: sự phân cấp quản lý; nhận thức về KTTN của nhà quản trị các cấp; năng lực của nhân viên kế toán; môi trường pháp lý; trình độ ứng dụng công nghệ; đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây dựng.

2.3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu đề xuất)

H1: Sự phân cấp quản lý tác động cùng chiều đến vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

H2: Nhận thức về KTTN của nhà quản trị các cấp tác động cùng chiều đến vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

H3: Năng lực của nhân viên kế toán tác động cùng chiều đến vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

H4: Môi trường pháp lý tác động cùng chiều đến vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

H5: Trình độ ứng dụng công nghệ tác động cùng chiều đến vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

H6: Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây dựng tác động cùng chiều đến vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu định lượng là phương pháp được sử dụng chủ yếu trong bài báo này, theo đó nghiên cứu thực hiện xây dựng và phát phiếu khảo sát đến các bộ phận kế toán, trưởng các phòng/ban/bộ phận, Ban giám đốc của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Để thực hiện nghiên cứu định lượng cần phải xác định mẫu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trên cho thấy mô hình nghiên cứu có 6 biến độc lập (28 biến quan sát) và 1 biến phụ thuộc (6 biến quan sát). Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), khi phân tích nhân tố khám phá (EFA) thì cần ít nhất 5 mẫu trên 1 biến quan sát như vậy cỡ mẫu tối thiểu là 170. Còn theo Tabachnick và Fidel (1996) để phân tích hồi quy thì cỡ mẫu tối thiểu là $n = 8m + 50$ với m là số yếu tố độc lập thì $n = 90$. Theo nguyên tắc mẫu càng lớn thì độ tin cậy càng cao, vì vậy để đạt được đủ mẫu cho nghiên cứu, chúng tôi đã gửi đi 300 phiếu khảo sát đến các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Kết quả số lượng phiếu hợp lệ thu về được 297 phiếu sử dụng để phân tích dữ liệu thông qua phần mềm SPSS 22.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Theo thống kê của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, tính đến hết năm 2023, toàn tỉnh có trên 1.300 doanh nghiệp xây dựng. Các doanh nghiệp này chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, trừ một số doanh nghiệp lớn thuộc khối cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước như: Tổng công ty Xây dựng Thanh Hóa; Công ty Cổ phần xây dựng Sông Đà, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng HUD4, Công ty Cổ phần tập đoàn xây dựng Miền Trung... Các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong những năm qua đã đóng góp trung bình 13% trong tổng GRDP của toàn tỉnh Thanh Hóa. Với thời gian thi công các công trình, hạng mục công trình thường kéo dài đồng thời địa bàn thi công ở nhiều nơi, bộ máy tổ chức sản xuất kinh doanh ngoài trụ sở chính của công ty còn có các tổ đội thi công trực tiếp thực hiện công trình/hạng mục công trình do đó vận dụng KTTN nhằm nâng cao năng lực quản trị của các doanh nghiệp này là hết sức cần thiết.

3.2. Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

3.2.1. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Kết quả kiểm định ở bảng 1 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha đều có giá trị lớn hơn 0,6. Như vậy, tất cả các biến quan sát đều thỏa mãn điều kiện sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá tiếp theo.

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Mã hóa	Nhân tố	Conbach's Alpha
PC	Sự phân cấp quản lý	0,633
QT	Nhận thức về KTTN của nhà quản trị các cấp	0,874
KT	Năng lực của nhân viên kế toán	0,758
PL	Môi trường pháp lý	0,827
CN	Trình độ ứng dụng công nghệ	0,630
XD	Đặc thù hoạt động của doanh nghiệp xây dựng	0,890
TN	Vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trong tỉnh Thanh Hóa	0,847

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

3.2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Kết quả phân tích nhân tố khám phá ở bảng 2 cho thấy, tất cả các biến đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5. Hệ số KMO là 0,876 ($> 0,5$); kiểm định Barlett's về sự tương quan của các biến quan sát có ý nghĩa thống kê ($\text{sig.} = 0,000 < 0,05$), chứng tỏ các biến có liên quan chặt chẽ với nhau.

Bảng 2. Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,876
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	2953,730
	df	253
	Sig.	,000

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

Kết quả phân tích nhân tố cho các biến độc lập, tất cả các biến đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 và không có sự xáo trộn giữa các biến quan sát trong các nhân tố theo mô hình đề xuất nên chúng tôi vẫn giữ nguyên tên gọi các nhân tố và các biến trong mô hình.

3.2.3. Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Bảng 3. Kiểm định sự phù hợp của mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
1	,721 ^a	,519	,509	,54086	,519	52,222	6	290	,000	2,048

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

Kết quả ở bảng 3 cho thấy: hệ số xác định R² là 0,519 và R² điều chỉnh là 0,509 nghĩa là các biến độc lập giải thích được 50,9% biến thiên của biến phụ thuộc. Hệ số Durbin-Watson = 2,048 (thoả mãn điều kiện $1 < \text{Hệ số Durbin-Watson} < 3$) cho biết không có hiện tượng tự tương quan giữa các biến. R² điều chỉnh chỉ cho biết sự phù hợp của mô hình hồi quy với tập dữ liệu mà vẫn chưa thể biết được mô hình hồi quy vừa xây dựng được, có phù hợp với tổng thể hay không. Vì thế, cần phải kiểm định F qua bảng phân tích ANOVA để kiểm tra sự phù hợp của mô hình hồi quy vừa xây dựng với tổng thể nghiên cứu.

Bảng 4. Kết quả phân tích ANNOVA

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	91,659	6	15,277	52,222	0,000 ^b
	Residual	84,833	290	0,293		
	Total	176,492	296			

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, mức ý nghĩa Sig. rất nhỏ ($\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$), nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính bội đưa ra là phù hợp với tổng thể. Kết quả phân tích hồi quy mô hình như sau:

Bảng 5. Kết quả hồi quy mô hình Coefficients

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics		
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF	
1	(Constant)	-0,600	0,227		-2,649	0,009		
	PC	0,172	0,049	0,163	3,538	0,000	0,777	1,287
	QT	0,337	0,050	0,311	6,743	0,000	0,780	1,281
	KT	0,269	0,064	0,196	4,172	0,000	0,748	1,336
	PL	0,104	0,040	0,121	2,598	0,010	0,768	1,303
	CN	0,141	0,050	0,130	2,828	0,005	0,788	1,269
	XD	0,161	0,044	0,166	3,676	0,000	0,817	1,224

a. Dependent Variable: TN

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu từ phần mềm SPSS)

Qua kết quả ở bảng 5 nhận thấy: tất cả các biến độc lập đều có Sig. nhỏ hơn 0,05 tức là tất cả các nhân tố độc lập đều có biến phụ thuộc. Mức độ quan trọng của từng nhân tố tùy thuộc vào hệ số Beta đã chuẩn hóa (xét về giá trị tuyệt đối của hệ số) hay nhân tố nào có hệ số Beta đã chuẩn hóa lớn thì tác động mạnh đến biến phụ thuộc. Từ kết quả ở bảng 5, ta có phương trình hồi quy như sau:

$$TN = -0,6 + 0,172 PC + 0,337 QT + 0,269 KT + 0,104 PL + 0,141 CN + 0,161 XSD$$

Đồng thời, kết quả phân tích hồi quy bội cũng cho thấy hệ số phóng đại VIF nằm trong điều kiện cho phép (nếu VIF lớn hơn 10 thì có dấu hiệu của đa cộng tuyến), điều này chứng tỏ sự cộng tuyến giữa các biến độc lập là rất thấp phù hợp với giả định nghiên cứu này là các biến số dự báo độc lập lẫn nhau.

3.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu và kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, các nhân tố đều tác động đến biến phụ thuộc là vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong đó, nhân tố “Nhận thức về KTTN của nhà quản trị các cấp” tác động mạnh nhất với hệ số tương quan được chuẩn hóa là 0,337; tiếp theo là nhân tố “Năng lực của nhân viên kế toán” với hệ số tương quan được chuẩn hóa là 0,269; nhân tố “Sự phân cấp quản lý” với hệ số tương quan được chuẩn hóa là 0,172; nhân tố “Đặc thù hoạt động của doanh nghiệp xây dựng” với hệ số tương quan được chuẩn hóa là 0,161; nhân tố “Trình độ ứng dụng công nghệ” với hệ số tương quan được chuẩn hóa là 0,141 và cuối cùng là “Môi trường pháp lý” với hệ số tương quan được chuẩn hóa là 0,104. Như vậy, để vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cần thực hiện các giải pháp như sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của nhà quản trị các cấp về KTTN

Để vận dụng KTTN vào thực tiễn hoạt động, các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá cần phải xây dựng các chương trình đào tạo, tập huấn cho các lãnh đạo phòng, ban, bộ phận trong doanh nghiệp về KTTN. Các doanh nghiệp nên mời chuyên gia về tập huấn, tổ chức đi thực tế và học hỏi kinh nghiệm từ các doanh nghiệp đã thực hiện tốt KTTN để áp dụng tại doanh nghiệp mình.

Thứ hai, nâng cao năng lực của nhân viên kế toán

Nhân viên kế toán có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị chính, vì vậy để có thể vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn

tỉnh Thanh Hóa cần phải nâng cao nhận thức, đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên kế toán, thông qua việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn về kế toán, tham gia bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời cũng cần thực hiện trao đổi chuyên môn với các doanh nghiệp xây dựng khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Thứ ba, tăng cường phân cấp quản lý

Phân cấp quản lý là yếu tố tiên đề và là cơ sở quan trọng để thực hiện KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, các doanh nghiệp cần phân cấp rõ ràng về quản lý sản phẩm xây lắp và các sản phẩm khác, phân cấp về quản trị nhân sự, phân cấp về mua bán tài sản... từ đó, tăng cường khả năng tổ chức và vận dụng KTTN trong các doanh nghiệp.

Thứ tư, căn cứ vào đặc thù hoạt động của doanh nghiệp xây dựng để thực hiện KTTN

Để vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cần căn cứ vào đặc thù hoạt động của doanh nghiệp như: quy mô doanh nghiệp, tổ chức bộ máy quản lý, các đơn vị trực thuộc... để xây dựng các trung tâm trách nhiệm phù hợp.

Thứ năm, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Để tăng cường KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cần phải tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phối hợp với công ty cung cấp phần mềm để bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu cho nhân viên quản trị mạng tại doanh nghiệp. Tiếp tục nâng cấp hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu, đẩy mạnh triển khai hệ thống phần mềm quản trị và phần mềm kế toán hiện đại. Đồng thời, thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phần cứng, máy tính hiện đại.

Thứ sáu, Nhà nước cần hoàn thiện môi trường pháp lý

Các cơ quan quản lý nhà nước cần có những hướng dẫn cụ thể về việc vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp, để nhà quản trị thấy được lợi ích và vai trò của KTTN trong việc cung cấp thông tin kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cấp quản lý. Đồng thời, có những văn bản hướng dẫn cụ thể để giúp các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói riêng có thể tiếp cận với các phương pháp và công cụ quản lý hiện đại hơn.

4. KẾT LUẬN

KTTN là một trong những công cụ quan trọng và hữu hiệu trong quản lý kinh tế nhằm nâng cao trách nhiệm phân cấp, phân quyền quản lý để đạt hiệu quả kinh doanh như mong muốn. Hiện nay, KTTN còn khá mới mẻ tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, do đó trong thời gian tới, để vận dụng công cụ này thì các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cần phải thực hiện các giải pháp như: nâng cao nhận thức của nhà quản trị các cấp về KTTN; nâng cao năng lực của nhân viên kế toán; tăng cường phân cấp quản lý; căn cứ vào đặc thù hoạt động của doanh nghiệp xây dựng để thực hiện KTTN; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin đồng thời phải có các văn bản hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý nhà nước. Có như vậy, việc thực hiện KTTN tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa mới đạt hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Hà Anh (2022), *Kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
- [2] Phạm Đức Hiếu, Chu Thị Huyền (2021), *Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp*, Tạp chí Kế toán và Kiểm toán, số 211(4).
- [3] Lê Thị Yên Oanh (2022), *Kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
- [4] Bùi Thị Trúc Quy, Nguyễn Thị Diễm (2023), *Đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng kế toán trách nhiệm cho các doanh nghiệp sản xuất ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 311(2):99-107.
- [5] Nguyễn Ngọc Quang (2006), *Giáo trình kế toán quản trị*, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [6] Cao Thị Huyền Trang (2019), *Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp: Dữ liệu tại các đơn vị trực thuộc Tổng công ty bia, rượu, nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)*, Tạp chí Kinh tế - Xã hội, (55):149-156.
- [7] Safa, M. (2012), *Examining the role of responsibility accounting in organizational structure*, American Academic & Scholarly Research Journal, 4(5).

FACTORS AFFECTING THE APPLICATION OF RESPONSIBILITY ACCOUNTING AT CONSTRUCTION ENTERPRISES IN THANH HOA PROVINCE

Le Thi Loan, Nguyen Thi Huyen

ABSTRACT

Responsibility accounting is one of the contents of corporate management accounting as well as one of the management tools that plays an important role in operating, controlling and evaluating the effectiveness of production and business activities of the unit. In this article, the author focuses on an overview of responsibility accounting and factors affecting responsibility accounting at construction enterprises in Thanh Hoa province. On that basis, some solutions and recommendations are proposed to enhance the application of responsibility accounting in these enterprises in the future.

Keywords: *Construction enterprises, responsibility accounting, Thanh Hoa province.*

* Ngày nộp bài: 16/5/2024; Ngày gửi phản biện: 28/5/2024; Ngày duyệt đăng: 13/6/2024